

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 399 /QĐ-CDKTNNT ngày 28 tháng 8 năm 2024 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ)

Ngành, nghề: THIẾT KẾ TRANG WEB

Mã ngành, nghề: 6480214

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian khóa học: 2.5 năm học

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

- Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Thiết kế trang web trình độ Cao đẳng, người học có được kiến thức về đồ họa vi tính đa truyền thông, về thiết kế, xây dựng và lập trình cho website; sử dụng được các chương trình đồ họa vi tính phổ biến hiện nay để phục vụ cho việc thiết kế và lập trình cho website;

- Người học có khả năng thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn theo vị trí công việc, có phương pháp đánh giá kết quả công việc chuyên môn một cách độc lập và chính xác;

- Người học tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành, đủ khả năng tiếp tục học lên chương trình cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình đào tạo ngành Thiết kế trang web trình độ Cao đẳng, người học có khả năng:

2.2.1. Kiến thức:

- Có hiểu biết về phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

- Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Trình bày được các quy định, tiêu chuẩn về bản vẽ kỹ thuật của nghề;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp và phòng chống cháy nổ trong công việc;



- Phân tích được nguyên lý vận hành của công nghệ web;
- Đánh giá, lựa chọn được giao diện phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp;
- Đánh giá được các công nghệ khả thi với thực trạng (phần cứng, phần mềm) hiện có để triển khai ứng dụng web trên máy chủ và trên máy khách;
- Lựa chọn được các ứng dụng, công cụ cần thiết cho máy chủ web;
- Phân tích được yêu cầu của khách hàng về website, về ứng dụng web;
- Giải thích được quy trình xây dựng ứng dụng web;
- Lập được kế hoạch thực hiện dự án web;
- Đánh giá được các yếu tố bảo đảm an toàn, ổn định cho máy chủ web;
- Phân tích được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu;
- Lập được kế hoạch sao lưu, phục hồi dữ liệu;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng cứng:
 - + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
 - + Thiết lập được máy chủ web phù hợp với nhu cầu;
 - + Xác định được các ứng dụng, công cụ cần thiết cho việc xây dựng ứng dụng trên nền web;
 - + Sử dụng được các hệ thống mã nguồn mở để phát triển website và ứng dụng trên nền web;
 - + Xử lý được các sự cố xảy ra trong quá trình vận hành hệ thống website;
 - + Lựa chọn được phương án sao lưu, phục hồi dữ liệu để đảm bảo tính sẵn sàng của hệ thống;
 - + Lựa chọn được các cơ chế đảm bảo an toàn dữ liệu;
- Kỹ năng mềm:
 - + Đọc hiểu được tài liệu chuyên ngành viết bằng tiếng Anh;
 - + Giao tiếp được với khách hàng, đồng nghiệp thông qua viết, thảo luận, thuyết trình, đàm phán;
 - + Phối hợp làm việc được với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp;
 - + Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ trong công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thực hiện công việc có ý thức, có đạo đức, có trách nhiệm; có động cơ nghề nghiệp đúng đắn; có kiến thức về luật sở hữu trí tuệ trong phần mềm; cần cù, chịu khó, sáng tạo; thực hiện công việc đúng kỷ luật lao động của tổ chức và thực hiện đúng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chính sách của nhà nước;

- Thực hiện công việc với trách nhiệm của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- Giải quyết được công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện công việc luôn thay đổi;
- Hướng dẫn và giám sát được cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ xác định;
- Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành và kết quả làm việc của các thành viên trong nhóm.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề như:

- Thiết kế đồ họa;
- Thiết kế giao diện web;
- Phát triển ứng dụng web;
- Lập trình giao diện web;
- Quản trị website;
- Kiểm thử ứng dụng web.
- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Thiết kế trang web trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;
- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành, nghề hoặc trong nhóm ngành, nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2505 giờ (102 Tín chỉ)**
- Số lượng môn học, mô đun: **34**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **435 giờ**
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **2070 giờ**
- Khối lượng lý thuyết: **769 giờ**; thực hành, thực tập: **1736 giờ**

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-021-01	Rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp Luật của Nhà nước
2	NLCB-021-02	Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
3	NLCB-021-03	Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.
4	NLCB-021-04	Vận dụng kiến thức Giáo dục quốc phòng và an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân
5	NLCB-021-05	Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề; ứng dụng được ngoại ngữ trong việc hoạt động nhóm và hoạt động cá nhân.
6	NLCB-021-06	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và làm việc.
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
7	NLCL-021-01	Lắp ráp, cài đặt được máy tính thông dụng
8	NLCL-021-02	Cài đặt, quản trị được web server, file server
9	NLCL-021-03	Thiết lập, quản trị được hệ thống mạng căn bản
10	NLCL-021-04	Thành thạo các phần mềm đồ họa, xử lý ảnh, xử lý âm thanh
11	NLCL-021-05	Thành thạo các phần mềm hỗ trợ thiết kế web
12	NLCL-021-06	Hiểu và vận dụng được kiến thức lập trình
13	NLCL-021-07	Hiểu và vận dụng được một số kiến thức về mỹ thuật cơ bản
14	NLCL-021-08	Hiểu và vận dụng được hệ quản trị cơ sở dữ liệu
15	NLCL-021-09	Phân tích được yêu cầu của khách hàng về thiết kế website
16	NLCL-021-10	Đọc, hiểu được tài liệu kỹ thuật chuyên ngành bằng tiếng Anh
17	NLCL-021-11	Sử dụng được các thiết bị phổ thông để chụp ảnh, quay phim
III Năng lực nâng cao		
18	NLNC-021-01	Cài đặt, quản trị được mail server
19	NLNC-021-02	Thiết lập được kế hoạch sao lưu. Khôi phục được lại dữ liệu sau sự cố
20	NLNC-021-03	Lập trình được giao diện web
21	NLNC-021-04	Khai thác được hệ quản trị cơ sở dữ liệu trên nền web

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
22	NLNC-021-05	Xử lý được các sự cố trong quá trình vận hành website
23	NLNC-021-06	Thiết kế được các banner quảng cáo để sử dụng trên website
24	NLNC-021-07	Dựng được video sử dụng trên website
25	NLNC-021-08	Thiết kế được giao diện website có mỹ thuật, có logic.
26	NLNC-021-09	Vận dụng được các hệ thống mã nguồn mở, hệ thống hỗ trợ tự động trong thiết kế website.
27	NLNC-021-10	Quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng.

6. Nội dung chương trình

S T T	MÃ MH/ MĐ	TÊN MÔN HỌC / MÔ- ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (giờ)			
				TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		
					LT	TH, TT...,	Thi, KT
I. CÁC MÔN HỌC CHUNG			19	435	116	297	22
1	110109	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
2	110102	Giáo dục QP và AN	3	75	15	57	3
3	110103	Giáo dục thể chất	2	60	5	52	3
4	110104	Pháp luật	2	30	20	7	3
5	110107	Tiếng Anh 1	2	60	10	47	3
6	110108	Tiếng Anh 2	2	60	10	47	3
7	510101	Tin học	3	75	15	58	2
II. CÁC MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			83	2070	653	1268	149
<i>II.1. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CƠ SỞ</i>			<i>18</i>	<i>390</i>	<i>172</i>	<i>187</i>	<i>31</i>
8	510102	Cấu trúc máy tính	3	60	30	26	4
9	510103	Mạng máy tính	3	60	30	26	4
10	510104	Kỹ thuật lập trình	2	60	15	41	4
11	510106	Cơ sở dữ liệu	2	45	22	18	5
12	510107	Cơ sở dữ liệu nâng cao	2	45	15	25	5

13	510108	Tiếng Anh chuyên ngành CNTT	3	60	30	26	4
14	510109	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	60	30	25	5
II.2. MÔN HỌC, MÔ-ĐUN CHUYÊN MÔN			58	1365	481	768	116
15	510201	Xử lý ảnh	2	60	12	42	6
16	510202	Lắp ráp và cài đặt máy tính	3	75	30	39	6
17	510203	Thiết kế Web cơ bản	3	75	15	55	5
18	510204	Thiết kế đồ họa	2	60	12	42	6
19	510205	Công nghệ đa phương tiện	2	60	12	42	6
20	510206	Quản trị mạng máy tính	3	75	25	44	6
21	510207	Thiết kế Web nâng cao	4	90	30	51	9
22	510208	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	90	35	46	9
23	510209	Thiết kế đồ họa nâng cao	3	60	30	24	6
24	510210	Thiết kế Website bằng mã nguồn mở	3	60	30	24	6
25	510211	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	60	30	24	6
26	510212	Thiết kế Banner	3	60	30	24	6
27	510213	Thiết kế giao diện Web	3	60	30	24	6
28	510214	Quản trị WebServer	3	60	30	24	6
29	510215	Đồ án thiết kế Website 1	3	90	15	70	5
30	510216	Lập trình Front-End	4	90	30	55	5
31	510217	Lập trình Windows	3	60	30	25	5
32	510218	Hệ điều hành Linux	3	60	30	26	4
33	510219	Đồ án thiết kế Website 2	4	120	25	87	8
II.3 THỰC TẬP TỐT NGHIỆP			7	315	0	313	2
34	510220	Thực tập tốt nghiệp	7	315	0	313	2
TỔNG CỘNG			102	2505	769	1565	171

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

7.2 Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng qui định.

Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, người học có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại,...	Mỗi học kỳ 1 lần

7.3 Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học:

Thời gian tổ chức thi kết thúc môn học được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình môn học.

7.4 Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Người học phải có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và hoàn thành môn học Giáo dục thể chất.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp (nếu có)

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng và công nhận danh hiệu Cử nhân thực hành theo quy định của Trường.

7.5. Các chú ý khác:

- Có thể sử dụng một số môn học, mô-đun đào tạo trong chương trình nêu trên để xây dựng chương trình đào tạo trung cấp nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ cao đẳng.

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ trung cấp lên cao đẳng, cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô-đun không được đào tạo trong chương trình trung cấp./.

TRƯỞNG KHOA



Nguyễn Phú Trọng Hoan

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Lê Đình Hải